



# BAKER TILLY A&C

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 49
8. Phụ lục	50 - 51

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dược và Vật tư y tế Bến Tre theo Quyết định số 1541/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300382591 (số cũ 5503000017) đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp.

**Trụ sở hoạt động**

- Địa chỉ : 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Điện thoại : (075) 813447 – 822429 - 829528
- Fax : (075) 824248

**Công ty có các đơn vị trực thuộc**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Hà Nội	Số 9 ngách 12/2 Nguyễn Phúc Lại, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Ninh Bình	Số 51 đường 1B, phường Nam Thành, TP. Ninh Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Đà Nẵng	Lô A3-28, A3-29, đường Nguyễn Chí Diểu, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Khánh Hòa	Thôn Hòn Nghê, đường Nguyễn Xiển, xã Vĩnh Ngọc, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại Cần Thơ	Số 91/21A, đường Cách Mạng tháng 8, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre tại TP. Hồ Chí Minh	Số 436B/76 đường 3 tháng 2, phường 12, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre – Hiệu thuốc Trung tâm Khu vực II	Số 7 đường 29/3, khu phố 3, Thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

**Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:**

- Bán buôn dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm; xuất nhập khẩu các mặt hàng thuốc thành phẩm; mua bán dược liệu.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Sản xuất thuốc trị bệnh cho người.
- Bán buôn máy móc thiết bị y tế.
- Sản xuất nước uống đóng chai, thùng.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê kho bãi.
- Cho thuê mặt bằng.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng bao bì, nguyên phụ liệu, hương liệu phục vụ sản xuất, hóa chất xét nghiệm, sản phẩm sinh học; mua bán thực phẩm chức năng (thực phẩm dinh dưỡng).
- Cho thuê mặt bằng để kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2014
Ông Võ Minh Tân	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 6 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Khắc Hanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Thị Vân Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thiện Nhân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016
Bà Phạm Trần Minh Thư	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Phan Trường Long	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2016

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Võ Minh Tân	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2014
Ông Lê Phước Lễ	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Trần Thị Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 12 năm 2007

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Minh Tân – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tập đoàn.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

0449  
ÔNG  
NHIỆM  
TOÁN V.  
A &  
7-T.P1

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Võ Minh Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2017





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Võ St., Dong Đa Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : I5-13 Võ Nguyễn Giáp St., Can Tho City  
[www.a-c.com.vn](http://www.a-c.com.vn)

Số: 0219/2017/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Bùi Văn Kha - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

**Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0093-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>384.293.610.104</b>	<b>356.029.811.268</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>40.534.666.766</b>	<b>43.598.080.809</b>
1. Tiền	111		30.479.666.766	43.598.080.809
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.055.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>21.010.850.000</b>	<b>5.875.903.817</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	18.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	3.010.850.000	5.875.903.817
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>139.325.187.438</b>	<b>114.253.712.605</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	129.794.987.052	92.488.126.163
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	809.840.639	18.074.220.920
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	8.836.220.006	4.102.150.575
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(260.967.881)	(410.785.053)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		145.107.622	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>178.937.567.453</b>	<b>187.866.160.295</b>
1. Hàng tồn kho	141		180.102.735.933	191.230.806.791
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.165.168.480)	(3.364.646.496)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.485.338.447</b>	<b>4.435.953.742</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13a	1.024.030.116	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.393.682.307	4.401.590.040
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		67.626.024	34.363.702
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.560.151.173</b>	<b>94.262.725.880</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>330.000.000</b>	<b>230.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	330.000.000	230.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>65.814.431.859</b>	<b>27.378.297.209</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	59.823.304.802	21.885.183.161
- Nguyên giá	222		108.000.896.535	46.134.259.147
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.177.591.733)	(24.249.075.986)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	821.844.866
- Nguyên giá	225		-	1.264.376.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(442.531.866)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.991.127.057	4.671.269.182
- Nguyên giá	228		6.970.591.320	5.234.046.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(979.464.263)	(562.776.818)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.11</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		52.826.363	125.214.090
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(52.826.363)	(125.214.090)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>109.090.909</b>	<b>66.363.636</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	109.090.909	66.363.636
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>73.663.937.817</b>	<b>63.099.572.200</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	69.804.123.817	52.319.195.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2d	3.859.814.000	10.780.377.200
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.642.690.589</b>	<b>3.488.492.835</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13a	4.440.190.778	3.488.492.835
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	3.202.499.811	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>531.853.761.277</b>	<b>450.292.537.148</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>372.589.521.794</b>	<b>336.452.369.253</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>372.418.347.404</b>	<b>336.341.544.077</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	148.495.260.030	119.170.761.531
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	372.238.558	190.246.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	2.391.647.263	5.732.057.811
4. Phải trả người lao động	314	V.18	8.422.697.133	13.505.907.889
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	2.508.851.063	4.655.600.275
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		163.636.363	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20a	10.973.000.359	825.151.778
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	197.081.428.468	191.814.478.635
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	2.009.588.167	447.339.874
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>171.174.390</b>	<b>110.825.176</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20b	171.174.390	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	-	110.825.176
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**18/12/2016**  
**AT**  
**CT**  
**10/11**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>159.264.239.483</b>	<b>113.840.167.895</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>159.214.239.483</b>	<b>113.790.167.895</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	76.998.080.000	76.998.080.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		76.998.080.000	76.998.080.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	538.056.160	538.056.160
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	8.876.126.506	8.876.126.506
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.23	2.536.822.093	2.536.822.093
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	39.675.030.805	24.841.083.136
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		16.013.115.482	24.841.083.136
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		23.661.915.323	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	30.590.123.919	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>
1. Nguồn kinh phí	431	V.24	50.000.000	50.000.000
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>531.853.761.277</b>	<b>450.292.537.148</b>

Bến Tre, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập biểuNguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởngVõ Minh Tân  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	585.056.699.382	557.486.647.210
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.539.602.255	5.370.929.610
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		580.517.097.127	552.115.717.600
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	439.913.742.419	425.635.174.087
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		140.603.354.708	126.480.543.513
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.829.919.564	34.168.863.237
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	13.634.157.777	16.305.874.576
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.809.841.199	9.193.871.829
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2c	3.981.255.817	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	67.632.765.350	75.902.276.789
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	40.182.658.839	46.827.929.107
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.964.948.123	21.613.326.278
12. Thu nhập khác	31	VI.8	3.576.727.120	8.090.155.667
13. Chi phí khác	32	VI.9	3.055.074	91.392.991
14. Lợi nhuận khác	40		3.573.672.046	7.998.762.676
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.538.620.169	29.612.088.954
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	6.521.629.732	7.408.895.874
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>24.016.990.437</u>	<u>22.203.193.080</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>23.661.915.324</u>	<u>22.203.193.080</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>(355.075.113)</u>	<u>-</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10a	<u>2.526</u>	<u>2.826</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10a	<u>2.526</u>	<u>2.826</u>

  
 Nguyễn Thanh Trúc  
 Người lập biểu

  
 Nguyễn Văn Chí Cường  
 Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 25 tháng 02 năm 2017



  
 Võ Minh Tân  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.538.620.169	29.612.088.954
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9, 10, 11	4.540.572.132	3.858.765.954
- Các khoản dự phòng	03	V.6, 7	(2.349.295.188)	1.235.259.811
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	(1.145.855.145)	(1.748.775.584)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, V.2c	(4.560.806.605)	(26.635.577.967)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	9.809.841.199	9.193.871.829
- Các khoản điều chỉnh khác	07		57.061.652	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		36.890.138.214	15.515.632.997
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.611.397.282)	(28.821.428.349)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		20.590.820.446	(15.246.126.547)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18.802.297.793	47.416.663.007
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.975.728.059)	113.141.776
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(4.231.485.000)	1.152.086.539
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5, V.20a	(9.632.114.961)	(9.193.871.829)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(9.803.954.406)	(4.622.601.328)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	6.417.080.420
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(322.623.937)	(2.123.719.672)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>32.705.952.808</b>	<b>10.606.857.014</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, 10, 12	(4.495.785.868)	(1.819.339.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2b	(3.010.850.000)	(15.869.539.393)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2b	5.875.903.817	9.993.635.576
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(39.406.831.421)	(76.786.527.520)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.169.835.000	38.500.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	579.550.788	2.451.705.146
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(33.288.177.684)</b>	<b>(43.530.065.282)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.21	410.000.396.062	432.681.824.103
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.21	(404.800.946.229)	(368.464.629.799)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	(194.400.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20a, V.23	(7.680.639.000)	660.000
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(2.481.189.167)</i>	<i>64.023.454.304</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(3.063.414.043)</b>	<b>31.100.246.036</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>43.598.080.809</b>	<b>12.489.476.885</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	8.357.888
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>40.534.666.766</b>	<b>43.598.080.809</b>



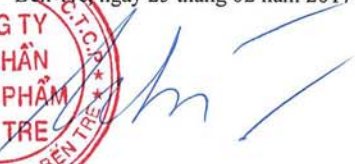
Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 02 năm 2017



Võ Minh Tân  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) là công ty Cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là sản xuất kinh doanh thương mại.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua và bán dược phẩm.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

##### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Tập đoàn đã đầu tư mua cổ phiếu để trở thành Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái và Công ty Cổ phần Dược phẩm OC và mua cổ phiếu để trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang.

##### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

##### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

###### Thành lập công ty con

Trong năm, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dược phẩm OC với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn vào Công ty Cổ phần Dược phẩm OC là để mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn.

###### Mua công ty con

Ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến 31 tháng 10 năm 2016, Tập đoàn mua thêm 276.780 cổ phiếu với giá 27.321 VNĐ/cổ phiếu và 569.900 cổ phiếu (phân phối theo tỷ lệ 1:1 cho cổ đông hiện hữu) với giá mua là 10.000 VNĐ/cổ phiếu để nâng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái từ 18,08% lên 35,15%; đến ngày 08 tháng 11 năm 2016 Tập đoàn tiếp tục mua thêm 1.000.000 cổ phần với giá 15.910 VNĐ/cổ phần để nắm giữ 2.139.800 cổ phiếu, tương đương 50,43% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái (số đầu năm là 293.120 cổ phiếu, tương đương 18,08%)

Chi tiết về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả của công ty con được mua vào ngày mua và lợi thế thương mại như sau:

###### Tài sản

Tiền và các khoản tương đương tiền  
Phải thu ngắn hạn của khách hàng  
Trả trước cho người bán ngắn hạn  
Phải thu ngắn hạn khác  
Hàng tồn kho

###### Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái

112.736.071.069  
6.959.328.639  
44.718.331.779  
216.361.176  
1.748.853.874  
18.764.127.677

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</b>
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	433.790.585
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	64.703.120
Phải thu dài hạn khác	100.000.000
Tài sản cố định hữu hình	38.567.730.309
Tài sản cố định vô hình	12.978.483
Chi phí trả trước dài hạn	1.149.865.427
<b>Nợ phải trả</b>	<b>(51.741.419.454)</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	(40.853.716.435)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	(1.829.301)
Phải trả người lao động	(85.303.303)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(11.143.625)
Phải trả ngắn hạn khác	(10.032.714.214)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(756.712.576)
<b>Giá trị hợp lý của tài sản thuần</b>	<b>60.994.651.615</b>
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>(30.235.048.806)</b>
<b>Giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua (a)</b>	<b>30.759.602.809</b>
<b>Giá phí hợp nhất kinh doanh (b)</b>	<b>34.044.218.000</b>
<b>Lợi thế thương mại [(b) – (a)]</b>	<b>3.284.615.191</b>

Giá trị hợp lý của nhà xưởng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái tại ngày mua được ghi nhận theo giá tạm tính do việc định giá chưa hoàn thành vào ngày Báo cáo tài chính hợp nhất được phê duyệt phát hành.

Tiền chi thuần để mua các công ty con:

Trả bằng tiền	26.740.992.060
Tiền và các khoản tương đương tiền của các công ty con tại ngày mua	(6.959.328.639)
<b>Tiền chi thuần</b>	<b>19.781.663.421</b>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm doanh thu thuần của Công ty Cổ phần Dược phẩm OC và Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái tương ứng là 0 VND và 11.337.164.905 VND, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng là (23.243.423) VND và (716.310.497) VND.

*Mua thêm vốn góp tại công ty con*

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

**6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm OC (*)	436B/76 đường 3 tháng 2 phường 12, quận 10 TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	100%	0%	51%	0%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	725 đường Yên Ninh, phường Minh Tân, TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Sản xuất kinh doanh dược phẩm	50,43%	18,08%	50,43%	18,08%

(\*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn trong Công ty Cổ phần Dược phẩm OC là 51% nhưng do các cổ đông khác chưa góp vốn nên tỷ lệ lợi ích trong Công ty Cổ phần Dược phẩm OC cuối năm là 100%.





## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 6c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA	334 Tô Hiến Thành, phường 14 quận 10 TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh Dược phẩm	23,14%	23,14%	25,16%	25,16%
Công ty Cổ phần Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	26 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang	Sản xuất kinh doanh hóa dược, Dược phẩm, dược liệu	39,48%	0%	39,48%	0%

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 533 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 355 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 5. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tập đoàn có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

15.  
TY  
HỮU  
TƯ  
C  
ĐC

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **7. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### **8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập chủ yếu là tiền thuê đất trả trước, công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

### **9. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### **10. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

### 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc thiết bị thuê tài chính là 10 năm.

### 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 35 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

04  
01  
NH  
04  
11

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm quyền sử dụng đất là 6 năm.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 15. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 16. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 17. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Tập đoàn.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### **18. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/ như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu***

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức được chia***

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

## **21. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **22. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

---

### 23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

### **25. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### **26. Công cụ tài chính**

#### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	5.747.204.757	310.090.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	24.680.842.053	43.079.476.668
Tiền đang chuyển	51.619.956	50.000.000
Các khoản tương đương tiền <sup>(i)</sup>	<u>10.055.000.000</u>	<u>158.513.264</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>40.534.666.766</u></b>	<b><u>43.598.080.809</u></b>

(i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có thời hạn 1 tháng (lãi nhập vốn). Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 55.000.000 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình được cầm cố tại cùng Chi nhánh Ngân hàng để bảo đảm cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: Chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

##### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Trong năm Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng 500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Phương Đông với giá mua và chi phí mua là 36.000 VND/cổ phiếu.

Toàn bộ số lượng cổ phiếu trên được cầm cố tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre để bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này.

##### 2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các Chi nhánh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Hà Nội	1.402.000.000	2.800.000.000
Chi nhánh Ninh Bình	-	393.103.817
Chi nhánh Đà Nẵng	1.266.000.000	1.322.000.000
Chi nhánh Khánh Hòa	-	248.500.000
Chi nhánh Cần Thơ	342.850.000	1.112.300.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.010.850.000</u></b>	<b><u>5.875.903.817</u></b>

Các khoản tiền gửi này được cầm cố tại cùng Chi nhánh Ngân hàng để bảo đảm cho Hợp đồng cấp bảo lãnh thực hiện hợp đồng của các chi nhánh Ngân hàng này.

##### 2c. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA <sup>(i)</sup>	48.108.225.000	1.028.746.981	49.136.971.981	52.319.195.000	-	52.319.195.000
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nhan Trang <sup>(ii)</sup>	20.673.508.000	(6.356.164)	20.667.151.836	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>68.781.733.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>69.804.123.817</u></b>	<b><u>52.319.195.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>52.319.195.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước và phát hành cổ phiếu trong năm 2015, nhưng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần trong tháng 01 năm 2016, nên năm 2015 chưa có kết quả kinh doanh.

Trong năm Tập đoàn đã bán 370.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA với giá bán là 11.430 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 4.226.950 cổ phiếu, tương đương 23,14% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA (số đầu năm là 4.596.950 cổ phiếu, tương đương 25,16% vốn điều lệ).

- (ii) Trong năm Tập đoàn đã mua 1.366.680 cổ phần của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang. Trong đó, 1.048.340 cổ phiếu với giá mua dành cho nhà đầu tư chiến lược là 10.100 VND/cổ phiếu, 118.340 cổ phiếu dưới hình thức đấu giá với giá 16.100VND/cổ phiếu và nhận chuyển nhượng 200.000 cổ phiếu với giá chuyển nhượng là 40.900 VND/cổ phiếu. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.366.680 cổ phiếu, tương đương 39,48% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang (số đầu năm là 0 cổ phiếu).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Giá trị phần chuyển nhượng	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA <sup>(i)</sup>	52.319.195.000		- 3.987.611.981	(2.958.865.000)	(4.210.970.000)	49.136.971.981
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang <sup>(ii)</sup>		- 20.673.508.000	(6.356.164)	-	-	- 20.667.151.836
<b>Cộng</b>	<b>52.319.195.000</b>	<b>20.673.508.000</b>	<b>3.981.255.817</b>	<b>(2.958.865.000)</b>	<b>(4.210.970.000)</b>	<b>69.804.123.817</b>

#### Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết bắt đầu đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần trong năm 2016 và đang hoạt động kinh doanh bình thường.

#### Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA</b>		
Mua hàng hóa	3.310.311.749	-
<b>Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang</b>		
Mua cổ phiếu	11.445.168.000	1.048.340.000
Mua hàng hóa	678.657.603	-

#### Khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA và Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

#### 2d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Nam	130.000.000	-	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trà Vinh	66.710.000	-	66.710.000	-
Công ty Cổ phần sách và dịch vụ văn hóa Long An	3.663.104.000	-	3.663.104.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	-	-	6.920.563.200	-
<b>Cộng</b>	<b>3.859.814.000</b>	<b>-</b>	<b>10.780.377.200</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)***Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Liên doanh Meyer – BPC	55.813.842	45.553.749
Bệnh viện Đa khoa khu vực Cù Lao Minh	3.715.823.517	2.928.951.059
Bệnh Viện Nguyễn Đình Chiểu Bến Tre	5.975.394.671	6.825.054.226
Nguyễn Minh Đức	-	4.831.992.060
Trung tâm Y tế Huyện Văn Chấn	5.238.729.577	
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	3.304.302.621	
Phải thu các khách hàng khác	111.504.922.824	77.856.575.069
<b>Cộng</b>	<b><u>129.794.987.052</u></b>	<b><u>92.488.126.163</u></b>

Khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng là bộ phận của quyền tài sản luân chuyển phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh đã được thế chấp để làm đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre với giá trị tối thiểu là 70 tỷ đồng.

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	-	<b>1.048.340.000</b>
Công ty TNHH MTV Vắcxin và Sinh phẩm Nha Trang	-	1.048.340.000
<i>Trả trước cho các đơn vị khác</i>	<b>618.350.058</b>	<b>17.025.880.920</b>
Ông Lê Văn Minh	-	13.768.515.000
Ông Lê Việt Hùng	-	2.729.914.320
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	319.302.390	-
Các người bán khác	490.538.249	527.451.600
<b>Cộng</b>	<b><u>809.840.639</u></b>	<b><u>18.074.220.920</u></b>

**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (*)	5.437.574.509	-	2.713.547.583	-
Tạm ứng	2.150.957.252	-	743.039.658	-
Các khoản chi hộ - Thuế Thu nhập cá nhân	1.245.914.394	-	531.313.769	-
Ký quỹ thuê tài chính	-	-	96.400.000	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế tài chính chưa kê khai khấu trừ	-	-	17.849.565	-
Khoản phải thu khác	1.773.851	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>8.836.220.006</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>4.102.150.575</u></b>	<b><u>-</u></b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (\*) Tiền ký quỹ tại các chi nhánh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam và khách hàng để bảo đảm cho các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng cung cấp thuốc cho các Bệnh viện và các khách hàng.

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký quỹ bồi thường giải phóng mặt bằng	230.000.000	-	230.000.000	-
Tiền góp vốn vào Quỹ bảo lãnh tín dụng tỉnh Yên Bái	100.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>330.000.000</b>	<b>-</b>	<b>230.000.000</b>	<b>-</b>

**6. Nợ quá hạn**

<u>Thời gian quá hạn</u>	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dưới 6 tháng	25.822.622.481	25.822.622.481	60.620.783.879	60.620.783.879
Từ 6 tháng đến 1 năm	2.558.862.573	2.558.862.573	2.721.534.242	2.721.534.242
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	651.986.832	651.986.832	320.604.736	237.915.191
Trên 3 năm	260.967.881	-	328.095.508	-
<b>Cộng</b>	<b>29.294.439.767</b>	<b>29.033.471.886</b>	<b>63.991.018.365</b>	<b>63.580.233.312</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	410.785.053	432.959.719
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(149.817.172)	(14.849.866)
Xử lý xóa sổ	-	(7.324.800)
<b>Số cuối năm</b>	<b>260.967.881</b>	<b>410.785.053</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	12.668.938.104	-	10.192.379.231	-
Nguyên liệu, vật liệu	7.852.531.744	-	832.854.739	-
Công cụ, dụng cụ	433.195.737	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.649.419.822	-	103.496.030	-
Thành phẩm	1.675.483.359	-	-	-
Hàng hóa	155.823.167.167	(1.165.168.480)	180.102.076.791	(3.364.646.496)
<b>Cộng</b>	<b>180.102.735.933</b>	<b>(1.165.168.480)</b>	<b>191.230.806.791</b>	<b>(3.364.646.496)</b>

Giá trị hàng hóa tồn kho (thuộc các loại) gần hết hạn sử dụng khó tiêu thụ cuối năm là 3.641.420.892 VND (số đầu năm là 4.321.681.476 VND).

Toàn bộ hàng hóa tồn kho là dược phẩm các loại luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh với giá trị tối thiểu là 150 tỷ đồng đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(3.364.646.496)	(2.023.536.813)
Trích lập bổ sung	(401.287.487)	(1.341.109.683)
Hoàn nhập dự phòng	2.600.765.503	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(1.165.168.480)</b>	<b>(3.364.646.496)</b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	28.822.346.060	3.545.938.494	6.066.395.327	7.699.579.266	46.134.259.147
Mua sắm mới	362.285.547	300.010.000	2.094.022.000	84.235.000	2.840.552.547
Chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính		1.267.128.732	-	-	1.267.128.732
Tăng do hợp nhất kinh doanh	32.623.485.868	22.945.251.180	1.533.874.545	780.601.427	57.883.213.020
Thanh lý Tài sản cố định	(124.256.911)	-	-	-	(124.256.911)
Điều chỉnh phân loại lại nhóm tài sản	(30.829.919)	351.954.634	-	(321.124.715)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>61.653.030.645</b>	<b>28.410.283.040</b>	<b>9.694.291.872</b>	<b>8.243.290.978</b>	<b>108.000.896.535</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.741.999.232	445.083.055	1.850.683.000	-	6.037.765.287
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	14.165.097.662	1.561.346.935	4.051.913.956	4.470.717.433	24.249.075.986
Khấu hao trong năm	1.788.016.475	731.708.609	677.266.637	958.749.762	4.155.741.483
Chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	547.896.588	-	-	547.896.588
Tăng do hợp nhất kinh doanh	4.826.409.995	13.812.821.165	405.906.641	270.343.862	19.315.481.663
Thanh lý Tài sản cố định	(90.603.987)	-	-	-	(90.603.987)
Điều chỉnh phân loại lại nhóm tài sản	(30.829.919)	409.893.624	-	(379.063.705)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.658.090.226</b>	<b>17.063.666.921</b>	<b>5.135.087.234</b>	<b>5.320.747.352</b>	<b>48.177.591.733</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	14.657.248.398	1.984.591.559	2.014.481.371	3.228.861.833	21.885.183.161
<b>Số cuối năm</b>	<b>40.994.940.419</b>	<b>11.346.616.119</b>	<b>4.559.204.638</b>	<b>2.922.543.626</b>	<b>59.823.304.802</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái (xem thuyết minh số V.21a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****9. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	1.264.376.732
Chuyển sang Tài sản cố định hữu hình	(1.264.376.732)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	442.531.866
Khấu hao trong năm	105.364.727
Chuyển sang Tài sản cố định hữu hình (*)	(547.896.593)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	821.844.866
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>

(\*) Kết thúc thời hạn thuê theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 14/2011/CN1-CTTC ngày 02 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn đã mua tài sản với giá mua là 2.752.000 VND.

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	5.234.046.000	-	5.234.046.000
Mua sắm mới	-	1.586.345.320	1.586.345.320
Tăng do hợp nhất kinh doanh		150.200.000	150.200.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.234.046.000</b>	<b>1.736.545.320</b>	<b>6.970.591.320</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-		-
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	562.776.818	-	562.776.818
Khấu hao trong năm	94.541.976	184.923.951	279.465.927
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	137.221.518	137.221.518
<b>Số cuối năm</b>	<b>657.318.794</b>	<b>322.145.469</b>	<b>979.464.263</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	4.671.269.182	-	4.671.269.182
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.576.727.206</b>	<b>1.414.399.851</b>	<b>5.991.127.057</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-		-
Đang chờ thanh lý	-		-

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.21a).

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**11. Bất động sản đầu tư**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	125.214.090
Thanh lý trong năm	(72.387.727)
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.826.363</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	125.214.090
Thanh lý trong năm	(72.387.727)
<b>Số cuối năm</b>	<b>52.826.363</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là giá trị quyền sử dụng đất tại số 19 đường Đồng Khởi, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	24.545.457	-
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào KQKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang:				
- Công trình lắp đặt hệ thống PCCC tại KCN Tân Tạo	66.363.636	-		66.363.636
- Chi phí thiết kế	-	42.727.273		- 42.727.273
Chi phí sửa chữa Tài sản cố định	-	23.408.728	(23.408.728)	-
<b>Cộng</b>	<b>66.363.636</b>	<b>66.136.001</b>	<b>(23.408.728)</b>	<b>109.090.909</b>

**13. Chi phí trả trước****13a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	803.596.441	-
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	204.824.040	-
Các chi phí bảo hiểm	15.609.635	-
<b>Cộng</b>	<b>1.024.030.116</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**13b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	2.952.842.614	3.052.938.982
Công cụ, dụng cụ	660.401.767	430.258.968
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	826.946.397	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	5.294.885
<b>Cộng</b>	<b><u>4.440.190.778</u></b>	<b><u>3.488.492.835</u></b>

**14. Lợi thế thương mại**

	<u>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</u>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.284.615.191
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.284.615.191</u></b>
<b>Số đã phân bổ</b>	
Số đầu năm	-
Phân bổ trong năm	82.115.380
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>82.115.380</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.202.499.811</u></b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn****15a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>499.833.865</u></b>	<b><u>293.325.069</u></b>
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	84.860.964	82.221.270
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA	414.972.901	211.103.799
<b>Phải trả các tổ chức khác</b>	<b><u>147.995.426.165</u></b>	<b><u>118.877.436.462</u></b>
Công ty liên doanh Meyer – BPC	8.164.969.390	7.175.709.183
Meditop Pharmaceutical Ltd	5.879.038.303	2.430.860.088
Chemical Works of Gedeon Richter Ltd	54.906.471.294	72.662.911.023
Các nhà cung cấp khác	79.044.947.178	36.607.956.168
<b>Cộng</b>	<b><u>148.495.260.030</u></b>	<b><u>119.170.761.531</u></b>

**15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bệnh viện Đa khoa Hồng Ngự	16.554.655	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Việt Đức	150.320.733	-
Các khách hàng khác	205.363.170	190.246.284
<b>Cộng</b>	<b><u>372.238.558</u></b>	<b><u>190.246.284</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 1 đính kèm.

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuốc chữa bệnh, vật tư y tế	5%
- Dịch vụ và hàng hóa khác	10%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.521.629.732	7.408.895.874
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre</i>	6.521.629.732	7.408.895.874
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái</i>	-	-
<i>Công ty Cổ phần Dược phẩm OC</i>	-	-
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>6.521.629.732</u></b>	<b><u>7.408.895.874</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

#### *Các loại thuế khác*

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

### 18. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

### 19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí khuyến mãi, quảng cáo	1.963.216.345	1.824.384.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	356.764.855	2.831.215.500
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	188.869.863	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.508.851.063</u></b>	<b><u>4.655.600.275</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**20. Phải trả khác****20a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	43.325.179	-
Kinh phí công đoàn	108.709.254	146.910.564
Bảo hiểm xã hội	129.519.540	14.086.332
Nhận ký quỹ ngắn hạn	49.000.000	43.000.000
Cổ tức phải trả	292.203.350	273.034.350
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	194.779.000	194.779.000
Thuế thu nhập cá nhân thường xuyên và không thường xuyên phải nộp hộ	75.976.037	153.341.532
Tổng Công ty ty Dược Việt Nam - Tiền hợp tác kinh doanh dược phẩm	10.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	79.487.999	-
<b>Cộng</b>	<b><u>10.973.000.359</u></b>	<b><u>825.151.778</u></b>

**20b. Phải trả dài hạn khác**

Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

**20c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**21. Vay và nợ thuê tài chính****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>3.390.000.000</b>	<b>3.390.000.000</b>	<b>7.550.000.000</b>	<b>7.550.000.000</b>
Vay của Tổng Giám đốc Công ty <sup>(i)</sup>	3.390.000.000	3.390.000.000	7.550.000.000	7.550.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác và cá nhân</b>	<b>193.691.428.468</b>	<b>193.691.428.468</b>	<b>184.264.478.635</b>	<b>184.264.478.635</b>
Vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre <sup>(ii)</sup>	181.009.653.087	181.009.653.087	175.658.933.798	175.658.933.798
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái <sup>(iii)</sup>	5.091.838.744	5.091.838.744	-	-
Vay các cá nhân <sup>(iv)</sup>	7.522.436.637	7.522.436.637	8.142.436.637	8.142.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	67.500.000	67.500.000	270.000.000	270.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	-	-	193.108.200	193.108.200
<b>Cộng</b>	<b><u>197.081.428.468</u></b>	<b><u>197.081.428.468</u></b>	<b><u>191.814.478.635</u></b>	<b><u>191.814.478.635</u></b>

<sup>(i)</sup> Vay không có tài sản đảm bảo Ông Võ Minh Tân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất Ngân hàng thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (ii) Khoản vay để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất theo thực tế tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay không quá 7 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (iii) Khoản vay để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất cố định là 6,2%/năm, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà xưởng, nhà văn phòng và máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (iv) Vay không có tài sản đảm bảo cán bộ nhân viên và các cá nhân khác để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh dược phẩm với lãi suất Ngân hàng Thương mại công bố tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 6 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	175.658.933.798	401.300.396.062	-	(390.857.838.029)	186.101.491.831
Vay ngắn hạn các cá nhân	15.692.436.637	8.700.000.000	-	(13.480.000.000)	10.912.436.637
Vay dài hạn đến hạn trả	270.000.000	-	67.500.000	(270.000.000)	67.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	193.108.200	-	-	(193.108.200)	-
<b>Cộng</b>	<b>191.814.478.635</b>	<b>410.000.396.062</b>	<b>67.500.000</b>	<b>(404.800.946.229)</b>	<b>197.081.428.468</b>

**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng <sup>(i)</sup>	-	-	67.500.000	67.500.000
Nợ dài hạn khác <sup>(ii)</sup>	-	-	43.325.176	43.325.176
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>110.825.176</b>	<b>110.825.176</b>

- ii. Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị xưởng thuốc, nhà làm việc và nhà kho các chi nhánh với lãi suất bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ và được xác định lại định kỳ 3 tháng 1 lần; thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo bằng tài sản.
- iii. Số tiền nhận nợ không trả lãi từ Quỹ EC của Sở Y tế tỉnh Bến Tre.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
<b>Số cuối năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	67.500.000	67.500.000	-
Nợ thuê tài chính	-	-	-
Nợ dài hạn khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>67.500.000</b>	<b>67.500.000</b>	<b>-</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Vay dài hạn ngân hàng	337.500.000	270.000.000	67.500.000
Nợ thuê tài chính	193.108.200	193.108.200	-
Nợ dài hạn khác	43.325.176	-	43.325.176
<b>Cộng</b>	<b>573.933.376</b>	<b>463.108.200</b>	<b>110.825.176</b>

15/12/2016



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21c. *Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán*

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 22. *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	447.339.874	38.611.836
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	1.110.159.654	1.136.756.638
Tăng do hợp nhất kinh doanh	756.712.576	
Chi quỹ	(304.623.937)	(728.028.600)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>2.009.588.167</u></b>	<b><u>447.339.874</u></b>

### 23. *Vốn chủ sở hữu*

#### 23a. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm.

#### 23b. *Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần cơ khí Ngân hàng	39.600.000.000	39.600.000.000
Các tổ chức và cá nhân khác	37.398.080.000	37.398.080.000
<b>Cộng</b>	<b><u>76.998.080.000</u></b>	<b><u>76.998.080.000</u></b>

#### 23c. *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.699.808	7.699.808
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.699.808	7.699.808
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.699.808	7.699.808
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.699.808	7.699.808
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	7.699.808	7.699.808
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 23d. *Phân phối lợi nhuận*

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/ĐHĐCĐTN2015 ngày 23 tháng 4 năm 2016 lợi nhuận năm 2015 được phân phối như sau:

VND

- Chia cổ tức lần 2 năm 2015 cho các cổ đông bằng cổ phiếu tương đương 15% vốn điều lệ, theo tỷ lệ 20:3 : 11.549.712.000
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi bằng 5% lợi nhuận sau thuế : 1.110.159.654

Trong năm, Tập đoàn đã thực hiện việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức lần 1 năm 2015 bằng tiền là 7.699.808.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. **Nguồn kinh phí**  
Kinh phí lập từ thuốc dự phòng.

25. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

25a. *Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	367,94	20,715.76
Euro (EUR)	201,72	10,580.59

25b. *Nợ khó đòi đã xử lý*

Khoản nợ phải thu ông Hoàng Lê Duy Việt – Kế toán trưởng chi nhánh Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre - Công ty mẹ với số tiền là 5.283.260.500 VND đã được xóa sổ do đương sự đang thụ án, không có khả năng trả nợ.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

1a. *Tổng doanh thu*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	573.864.131.744	552.028.439.372
Doanh thu bán thành phẩm	8.460.639.916	5.248.460.668
Doanh thu dịch vụ ủy thác	35.145.354	209.747.170
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	24.545.457	-
Doanh thu khác	2.672.236.911	-
<b>Cộng</b>	<b><u>585.056.699.382</u></b>	<b><u>557.486.647.210</u></b>

1b. *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	(2.717.458.379)	(3.580.266.449)
Hàng bán bị trả lại	(1.737.114.847)	(1.766.963.232)
Giảm giá hàng bán	(85.029.029)	(23.699.929)
<b>Cộng</b>	<b><u>(4.539.602.255)</u></b>	<b><u>(5.370.929.610)</u></b>

3. **Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	435.843.247.053	419.015.834.042
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.516.072.757	2.256.967.380
Các khoản chi phí vượt mức bình thường khác được tính trực tiếp vào giá vốn	2.753.900.625	3.021.262.982
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.199.478.016)	1.341.109.683
<b>Cộng</b>	<b><u>439.913.742.419</u></b>	<b><u>425.635.174.087</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	215.200.188	10.562.798
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	68.308.364	260.077.235
Cổ tức, lợi nhuận được chia	346.220.600	2.441.142.348
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.145.855.145	1.748.775.584
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.495.346.804	5.096.888.294
Lãi thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.	18.130.000	24.303.443.317
Doanh thu hoạt động tài chính khác - Chiết khấu thanh toán được hưởng	540.858.463	307.973.661
<b>Cộng</b>	<b><u>3.829.919.564</u></b>	<b><u>34.168.863.237</u></b>

**5. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	9.809.841.199	9.193.871.829
	2.047.251.580	
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	1.731.875.212	6.934.158.930
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(91.000.006)
Chi phí tài chính khác	45.189.786	268.843.823
<b>Cộng</b>	<b><u>13.634.157.777</u></b>	<b><u>16.305.874.576</u></b>

**6. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	44.388.656.411	49.102.417.647
Chi phí vật liệu, bao bì	706.987.361	493.162.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.415.088.133	1.038.321.856
Chi phí khuyến mãi	2.561.056.832	14.240.945.393
Các chi phí khác	17.560.976.613	11.027.429.276
<b>Cộng</b>	<b><u>67.632.765.350</u></b>	<b><u>75.902.276.789</u></b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	26.390.434.651	30.739.438.441
Chi phí vật liệu quản lý	765.543.265	874.663.500
Chi phí khấu hao tài sản cố định	574.428.179	1.547.950.346
Thuế, phí và lệ phí	730.239.053	345.792.262
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(149.817.172)	(14.849.866)
Lợi thế thương mại phân bổ	82.115.380	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.063.938.362	6.331.519.978
Các chi phí khác	1.725.777.121	7.003.414.446
<b>Cộng</b>	<b><u>40.182.658.839</u></b>	<b><u>46.827.929.107</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

**8. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng khuyến mãi	329.572.198	848.796.545
Chênh lệch hàng thừa khi kiểm kê	10.005.332	164.636.250
Thu từ thuê nhà, thuê kho, nhân công và bảo vệ	157.222.196	794.603.933
Các khoản nợ không còn phải trả	1.858.084.400	5.832.456.987
Thu nhập khác	1.221.842.994	449.661.952
<b>Cộng</b>	<b><u>3.576.727.120</u></b>	<b><u>8.090.155.667</u></b>

**9. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	89.173.927
Các khoản khác	3.055.074	2.219.064
<b>Cộng</b>	<b><u>3.055.074</u></b>	<b><u>91.392.991</u></b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.661.915.325	22.203.193.080
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.293.176.025)	(444.063.862)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	22.368.739.300	21.759.129.218
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (*)	8.854.779	7.699.808
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>2.526</u></b>	<b><u>2.826</u></b>

(\*) Trong đó có 1.154.971 cổ phiếu phát hành vào ngày 12 tháng 02 năm 2017 để trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/ĐHĐCĐTN2015 ngày 23 tháng 4 năm 2016 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre.

**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.803.489.062	2.854.602.923
Chi phí nhân công	74.492.897.061	81.841.521.827
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.540.572.103	3.858.765.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.931.807.704	21.909.748.418
Chi phí khác	19.945.825.952	17.359.414.947
<b>Cộng</b>	<b><u>115.714.591.882</u></b>	<b><u>127.824.054.069</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**  
 Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có các khoản tương đương tiền bị giới hạn quyền sử dụng do được dùng làm đảm bảo cho Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.1).

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	490.909.091	-
Trên 1 năm đến 5 năm	1.734.545.455	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.225.454.546</u></b>	<b><u>-</u></b>

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vay ngắn hạn	7.700.000.000	7.550.000.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.21a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.525.037.618	2.488.127.518
Phụ cấp	799.000.000	59.967.392
Tiền thưởng	1.800.443.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>5.124.481.118</u></b>	<b><u>2.548.094.910</u></b>

#### 2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CODUPHA	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vắc xin và Sinh phẩm Nha Trang	Công ty liên kết

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Việc mua hàng hóa từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

98  
G T  
M H  
V A T  
C  
H O

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.15a.

Các khoản công nợ phải thu bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm trong một khu vực địa lý là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tất cả sản phẩm do Tập đoàn sản xuất và thu mua đều được bán sỉ và bán lẻ cho các bệnh viện, trung tâm y tế, các tổ chức và cá nhân khác thông qua phòng kinh doanh, hệ thống chi nhánh, cửa hàng kinh doanh của Tập đoàn.

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.666.766	-	-	40.534.666.766
Chứng khoán kinh doanh	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.010.850.000	-	-	3.010.850.000
Phải thu khách hàng	100.500.547.285	29.033.471.886	260.967.881	129.794.987.052
Các khoản phải thu khác	5.767.574.509	-	-	5.767.574.509
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.859.814.000	-	-	3.859.814.000
<b>Cộng</b>	<b>171.673.452.560</b>	<b>29.033.471.886</b>	<b>260.967.881</b>	<b>200.967.892.327</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	43.598.080.809	-	-	43.598.080.809
Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.875.903.817			5.875.903.817
Phải thu khách hàng	28.497.107.798	63.580.233.312	410.785.053	92.488.126.163
Các khoản phải thu khác	3.039.947.583	-	-	3.039.947.583
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	28.327.146.520	-	-	28.327.146.520
<b>Cộng</b>	<b>109.338.186.527</b>	<b>63.580.233.312</b>	<b>410.785.053</b>	<b>173.329.204.892</b>

Chi tiết thời gian quá hạn của Phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quá hạn dưới 6 tháng	25.822.622.481	60.620.783.879
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	2.558.862.573	2.721.534.242
Quá hạn trên 1 năm đến dưới 2 năm	651.986.832	237.915.191
<b>Cộng</b>	<b>29.033.471.886</b>	<b>63.580.233.312</b>

**4b. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>			
Phải trả người bán	148.495.260.030	-	148.495.260.030
Các khoản phải trả khác	13.216.007.803	-	13.216.007.803
Vay và nợ	197.081.428.468	-	197.081.428.468
<b>Cộng</b>	<b>358.792.696.301</b>	<b>-</b>	<b>358.792.696.301</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Phải trả người bán	119.170.761.531	-	119.170.761.531
Các khoản phải trả khác	5.166.413.625	-	5.166.413.625
Vay và nợ	191.814.478.635	110.825.176	191.925.303.811
<b>Cộng</b>	<b>316.151.653.791</b>	<b>110.825.176</b>	<b>316.262.478.967</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu dược phẩm phục vụ cho hoạt động kinh doanh với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và EUR do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tập đoàn không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	372,44	293,24	20.715,76	10.580,59
Phải trả người bán	(372.434,22)	(2.285.864,75)	(194.280,44)	(2.942.785,98)
<b>Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(372.061,78)</b>	<b>(2.285.571,51)</b>	<b>(173.564,68)</b>	<b>(2.932.205,39)</b>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 135.668.607 VND (năm trước giảm/tăng 60.907.565 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và EUR tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 856.431.072 VND (năm trước giảm/tăng 1.129.151.245 VND).

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc năm tài chính là 191.989.589.724 VND (số đầu năm là 191.881.978.635 VND).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.995.037.600 VND (năm trước giảm/tăng 2.993.358.867 VND).

### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

#### 4d. Tài sản đảm bảo

*Tài sản cầm cố, thế chấp cho đơn vị khác*

Giá trị sổ sách của các tài sản tài chính cầm cố, thế chấp cho đơn vị khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng <sup>(i)</sup>	55.000.000	158.513.264
Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng <sup>(i)</sup>	3.010.850.000	5.875.903.817
Chứng khoán kinh doanh <sup>(ii)</sup>	18.000.000.000	-
Tiền ký quỹ tại Ngân hàng và các tổ chức khác <sup>(i)</sup>	5.437.574.509	2.713.547.583
Khoản phải thu khách hàng <sup>(ii)</sup>	129.794.987.052	92.488.126.163
<b>Cộng</b>	<b>156.298.411.561</b>	<b>101.236.090.827</b>

<sup>(i)</sup> Để làm bảo đảm cho các Hợp đồng bảo lãnh thực hiện hợp đồng do các chi nhánh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam phát hành chứng thư bảo lãnh.

<sup>(ii)</sup> Để làm bảo đảm cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản cầm cố, thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

### *Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác*

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

300  
CƠ  
H NH  
TOA  
A  
-T

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

#### Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.534.666.766	-	43.598.080.809	-	40.534.666.766	43.598.080.809
Chứng khoán kinh doanh	18.000.000.000	-	-	-	18.000.000.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.010.850.000	-	5.875.903.817	-	3.010.850.000	5.875.903.817
Phải thu khách hàng	129.794.987.052	(260.967.881)	92.488.126.163	(410.785.053)	129.534.019.171	92.077.341.110
Các khoản phải thu khác	5.767.574.509	-	3.039.947.583	-	5.767.574.509	3.039.947.583
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.859.814.000	-	28.327.146.520	-	3.859.814.000	28.327.146.520
<b>Cộng</b>	<b>200.967.892.327</b>	<b>(260.967.881)</b>	<b>173.329.204.892</b>	<b>(410.785.053)</b>	<b>200.706.924.446</b>	<b>172.918.419.839</b>

#### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	197.081.428.468	191.925.303.811	197.081.428.468
Phải trả người bán	148.495.260.030	119.170.761.531	148.495.260.030	119.170.761.531
Các khoản phải trả khác	13.216.007.803	5.166.413.625	13.216.007.803	5.166.413.625
<b>Cộng</b>	<b>358.792.696.301</b>	<b>316.262.478.967</b>	<b>358.792.696.301</b>	<b>316.262.478.967</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay và các khoản phải trả khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

#### 6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 12 tháng 02 năm 2017 Tập đoàn đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức đợt 2 năm 2015 và chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 01/ĐHĐCĐTN2015 ngày 23 tháng 4 năm 2016, cụ thể:

- |  |                    |
|--|--------------------|
| - Phát hành để trả cổ tức                                | 1.154.971 cổ phiếu |
| - Phát hành theo chương trình tự chọn của người lao động | 380.000 cổ phiếu   |
| - Chào bán cho cổ đông hiện hữu                          | 3.079.923 cổ phiếu |

Tổng số tiền thu về phát hành cổ phiếu là 34.598.033.872 VND (theo xác nhận số dư tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre ngày 17 tháng 02 năm 2017).

Ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính trên, không còn sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



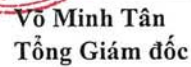
Nguyễn Thanh Trúc  
Người lập biểu



Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng



Bến Tre, ngày 25 tháng 02 năm 2017



Võ Minh Tân  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**

Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 1: Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	793.638.187	-	3.015.468.863	(3.809.107.050)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	10.642.099.620	(10.642.099.620)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.922.904	-	-	-	2.922.904
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.080.991.010	-	6.521.629.732	(9.803.954.406)	733.963.216	-
Thuế thu nhập cá nhân	857.428.614	-	2.529.623.373	(1.794.071.060)	1.657.684.047	64.703.120
Thuế nhà đất	-	-	193.357	(193.357)	-	-
Tiền thuế đất	-	31.440.798	587.882.441	(556.441.643)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	126.570.000	(126.570.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.732.057.811</b>	<b>34.363.702</b>	<b>23.423.467.386</b>	<b>(26.732.437.136)</b>	<b>2.391.647.263</b>	<b>67.626.024</b>



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Văn Chí Cường  
 Kế toán trưởng

Võ Minh Tân  
 Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Trúc  
 Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE**Địa chỉ: 6A3 Quốc lộ 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	69.998.950.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	10.773.776.694	-	92.723.731.453
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	22.203.193.080	-	22.203.193.080
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	-	(1.136.756.638)	-	(1.136.756.638)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu trong năm trước	6.999.130.000	-	-	-	-	(6.999.130.000)	-	-
Số dư cuối năm trước	76.998.080.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	24.841.083.136	-	113.790.167.895
Số dư đầu năm nay	76.998.080.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	24.841.083.136	-	113.790.167.895
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	23.661.915.324	355.075.113	24.016.990.437
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	-	(1.110.159.654)	-	(1.110.159.654)
Thu khác	-	-	-	-	-	(18.000.000)	-	(18.000.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	-	-	-	(7.699.808.000)	-	(7.699.808.000)
Phân bổ TS thuần trong công ty con cho lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	30.235.048.806	30.235.048.806
Số dư cuối năm nay	76.998.080.000	538.056.160	-	8.876.126.506	2.536.822.093	39.675.030.806	30.590.123.919	159.214.239.483

Đơn vị tính: VND



Nguyễn Văn Chí Cường  
Kế toán trưởng

Võ Minh Tân  
Tổng Giám đốc

